TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 245/2018/HC-PT Ngày 18 – 7 – 2018 V/v "Khiếu kiện quyết định truy hoàn thuế giá trị gia tăng, quyết định giải quyết khiếu nại".	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Đình Thanh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Ba

Ông Phan Đức Phương

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung- Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Ông Trần Ngọc Đảm - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 188/2017/TLPT-HC ngày 11 tháng 7 năm 2017 về khiếu kiện quyết định truy hoàn thuế giá trị gia tăng, quyết định giải quyết khiếu nại.

Do bản án hành chính sơ thẩm: 142/2017/HC-ST ngày 16 tháng 02 năm 2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 609/2017/QĐ-PT ngày 20 tháng 10 năm 2017; giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Công ty TNHH Thương mại A V.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Hiển T - Giám đốc Công ty, *(có mặt).*

Địa chỉ: 150/45 HVB, Phường 12, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Bà Trần Thị Ngọc Ng, sinh năm 1954; cư trú tại: 12H NTMK, phường ĐK, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; *(có mặt).*

- *Người bị kiện:*

1. Cục trưởng Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh, *(vắng mặt).*

Địa chỉ: 63 VTP, phường AP, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền (được ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 11/7/2018): Ông Nguyễn Nam B - Phó Cục trưởng Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh, *(xin vắng mặt).*

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Cục trưởng Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Trì Hoa Th, sinh năm 1958; cư trú tại: 40 Đường 12, Khu phố 5, phường HBC, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh *(xin vắng mặt).*

2. Chi cục trưởng Chi cục thuế quận PN, *(xin vắng mặt).*

Địa chỉ: 145/9 NVT, Phường 11, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Chi cục trưởng Chi cục thuế quận PN: Ông Lê Phú D, sinh năm 1964; cư trú tại: 29/32/22G ĐTĐ, Phường 1, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh; *(có mặt).*

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện Công ty TNHH Thương mại A V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Công ty TNHH Thương mại A V (sau đây gọi tắt là Công ty A V) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 052453 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 05/7/1995 (thay đổi lần thứ 5 ngày 30/01/2008) có trụ sở hoạt động tại số 150/45 HVB, Phường 12, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngành nghề kinh doanh: Mua bán nguyên liệu sản xuất giấy các loại giấy ký gửi hàng hóa.

Từ tháng 7 và tháng 8 năm 2015, Công ty A V có ký kết hợp đồng mua 03 lô hàng là giấy in báo cuộn của Công ty TA, sau đó bán toàn bộ lại cho Báo Tuổi trẻ Thành phố Hồ Chí Minh và nộp thuế giá trị gia tăng (GTGT) 5% cho Chi cục thuế quận PN.

Ngày 25/4/2007, Chi cục trưởng Chi cục thuế quận PN đã ban hành Quyết định số 457/QĐXP-CCT-PN-Đ3 về việc xử lý vi phạm về thuế với nội dung: "Loại trừ thuế GTGT đối với Công ty TNHH Thương mại A V, mã số thuế: 0301442636, địa chỉ kinh doanh: 150/45 HVB, Phường 12, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số tiền truy thu là 709.592.931 đồng (bảy trăm lẻ chín triệu năm trăm chín mươi hai nghìn chín trăm ba mươi mốt đồng chẵn)".

Không đồng ý với quyết định trên Công ty A V đã khiếu nại đến Chi cục trưởng Chi cục thuế quận PN.

Ngày 25/5/2007, Chi cục trưởng Chi cục thuế quận PN còn ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 57/QĐ-GQKN với nội dung: Giữ nguyên Quyết định xử lý số 457/QĐXP-CCT-PN-Đ3 ngày 25/4/2007.

Không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại số 75/QĐ-GQKN Công ty A V khiếu nại đến Cục trưởng Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 10/10/2007, Cục trưởng Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 10620/QĐ-GQKN-N3 với nội dung: Giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại số 75/QĐ-GQKN ngày 25/5/2007 và Quyết định xử lý số 457/QĐXP-CCT-PN-Đ3 ngày 25/4/2007 của Chi cục trưởng Chi cục thuế quận PN.

Ngoài ra, ngày 29/8/2011 Chi cục thuế quận PN ban hành Quyết định số 442/QĐ-CCT.PN về việc áp dụng biện pháp cưỡng chế đình chỉ sử dụng hóa đơn và ngày 14/10/2011 ban hành Quyết định số 497/QĐ-CCT.PN về việc áp dụng biện pháp cưỡng chế thu hồi mã số thuế đối với Công ty A V.

Theo bản tự khai ngày 30/6/2016, Biên bản họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 12/8/2016 và Biên bản đối thoại ngày 12/8/2016 người khởi kiện là Công ty TNHH Thương mại A V trình bày về 03 lô hàng giấy in báo nói trên có nguồn gốc mua bán như sau:

Công ty TA mua của Công ty Đầu tư và Phát triển KH – CL có hóa đơn, có hợp đồng mua bán và có văn bản xác nhận số 375/CV-Cty ngày 06/9/2007 của Công ty này. Sau đó, Công ty A V đã mua lại 03 lô hàng này từ Công ty TA. Việc mua bán này đã thực hiện theo đúng quy định pháp luật có ký kết hợp đồng mua bán, phiếu thu chi, thanh lý hợp đồng và có giao hàng tại kho hàng quận Gò Vấp khi Công ty A V bán lô hàng này lại cho Báo Tuổi trẻ. Công ty TA đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty A V khi kết thúc hợp đồng bao gồm: Hóa đơn số 95514 ngày 03/8/2005, số tiền 5.689.812.800, thuế GTGT là 284.490.640 đồng; hóa đơn số 95536 ngày 17/8/2005, số tiền 5.722.024.000, thuế GTGT là 286.101.200 đồng; hóa đơn số 95546 ngày 25/8/2015, số tiền 2.780.081.833, thuế GTGT là 139.001.091 đồng và các hóa đơn này là hoàn toàn hợp pháp đúng quy định của pháp luật.

Do đó, Công ty TNHH Thương mại A V không đồng ý với việc loại trừ thuế giá trị gia tăng mà cơ quan thuế đã thực hiện qua các quyết định trên. Nay Công ty A V xác định yêu cầu khởi kiện hủy các quyết định sau:

Quyết định số 457/QĐXP-CCT-PN-Đ3 ngày 25/4/2007 của Chi cục trưởng Chi cục thuế quận PN.

Quyết định số 75/QĐ-GQKN ngày 25/5/2007 của Chi cục trưởng Chi cục thuế quận PN.

Quyết định số 10620/QĐ-GQKN-N3 ngày 10/10/2017 của Cục trưởng Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh.

Đối với các quyết định của Chi cục thuế quận PN về việc áp dụng biện pháp cưỡng chế thì nay Công ty A V xác định là không có yêu cầu khởi kiện nữa.

Người bị kiện là Chi cục trưởng Chi cục thuế quận PN trình bày:

Công ty A V có sử dụng 03 tờ hóa đơn GTGT có nguồn gốc do Công ty TA xuất để kê khai khấu trừ thuế GTGT bao gồm:

1. Hóa đơn số 95514 ngày 03/8/2005, số tiền 5.689.812.800, thuế GTGT là 284.490.640 đồng;

2. Hóa đơn số 95536 ngày 17/8/2005, số tiền 5.722.024.000, thuế GTGT là 286.101.200 đồng;

3. Hóa đơn số 95546 ngày 25/8/2015, số tiền 2.780.081.833, thuế GTGT là 139.001.091 đồng.

Ngày 11/10/2005, Cục thuế tỉnh Bình Phước có Công văn số 1237/CT-TTr thông tin về việc Công ty TNHH TM-DV TA có hành vi mua, bán hóa đơn và bỏ trốn khỏi địa chỉ kinh doanh nên đề nghị các Cục thuế tỉnh, thành phố không cho khấu trừ thuế, không cho tính vào chi phí các hóa đơn do Công ty TA xuất bán. Tiếp sau đó, Cục thuế tỉnh Bình Phước có Công văn số 2519/VT-TTr ngày 15/12/2006 xác định Công ty TA được thành lập để mua bán hóa đơn GTGT khống có ghi mệnh giá như mua bán hàng hóa và đã có quyết định truy nã đặc biệt (Quyết định truy nã số: 1750 ngày 04/7/2006 của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bình Phước truy nã đối với Phạm Thị Ngọc S đã có hành vi thành lập Công ty TA để mua bán hóa đơn giá trị gia tăng khống có ghi mệnh giá như mua bán hàng hóa).

Ngày 20/3/2008 Cơ quan An ninh Điều tra - Công an tỉnh Bình Phước có Công văn số 22/CV gửi đến Chi cục thuế quận PN và đính kèm Bản kết luận điều tra vụ án số 05 ngày 04/10/2007 có ghi nhận nội dung: "Trong vụ án này bị can Phạm Thị Ngọc S chỉ là người làm giám đốc thuê và các đối tượng khác lợi dụng

danh nghĩa Công ty TA để mua bán hóa đơn GTGT từ Cục thuế tỉnh Bình Phước sau đó bán khống cho các cá nhân, doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng để thu lợi bất chính từ việc mua bán hóa đơn. Mặc dù là giám đốc công ty nhưng S không biết gì về hoạt động của công ty; không điều hành công ty và Sương không biết mục đích của việc thành lập Công ty TA là để mua bán hóa đơn GTGT khống; bản thân không tham gia vào việc ký các hóa đơn GTGT nên S không phạm tội "Lưu hành giấy tờ có giá giả".

Qua tiếp nhận các thông tin nêu trên, Chi cục trưởng Cục thuế quận PN đã ban hành các quyết định xử lý về thuế đối với Công ty A V.

Cơ sở pháp lý ban hành các quyết định số 457/QĐXP-CCT-PN-Đ3 ngày 25/4/2007 và Quyết định số 75/QĐ-GQKN ngày 25/5/2007 của Chi cục trưởng Cục thuế quận PN:

Về truy thu thuế GTGT:

Căn cứ khoản 4 Điều 14 Nghị định 89/2002/NĐ-CP về hành vi sử dụng hóa đơn khống; căn cứ khoản 3 Điều 15 Nghị định 89/2002/NĐ-CP đối với hành vi vi phạm về quản lý hóa đơn và khoản 1 Điêu 18 Nghị định 89/2002/NĐ-CP về các biện pháp khắc phục: "*…các hóa đơn đó không được kê khai để tính khấu trừ hoặc hoàn thuế GTGT, không được tính vào chi phí tính thuế…*"

Căn cứ khoản 3 Điều 9 Nghị định 158/2003/NĐ-Cp ngày 10/12/2016 và khoản 1.3, Mục III, Phần B Thông tư 120/2003/TT-BTC ngày 12/12/2016 hướng dẫn thi hành Luật thuế GTGT: "Cơ sở kinh doanh không được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào đối với các hóa đơn giá trị gia tăng sử dụng không đúng theo quy định của pháp luật như: sử dụng hóa đơn, chứng từ nộp thuế giá trị gia tăng giả, hóa đơn khống (không mua, bán hàng hóa, dịch vụ), hóa đơn ghi giá trị cao hơn giá trị thực tế của hàng hóa, dịch vụ bán ra".

Về Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/6/2003 của Quốc hội.

+ Khoản 2 Điều 20 Luật kế toán "chữ ký trên chứng từ kế toán phải do người có thẩm quyền hoặc người được ủy quyền ký…"

+ Khoản 1 Điều 14 về các hành vi bị nghiêm cấm "Giả mạo, khai man, thỏa thuận hoặc ép buộc người khác giả mạo, khai man, tẩy xóa tài liệu kế toán…".

Như vậy, 03 hóa đơn GTGT của Công ty TA xuất bán cho Công ty A V được Cục thuế tỉnh Bình Phước và Công an tỉnh Bình Phước xác định là hóa đơn khống, tức là Công ty TA được thành lập để mua bán hóa đơn bất hợp pháp (không có hàng hóa). Mặt khác, các hóa đơn GTGT xuất cho Công ty A V có chữ ký của bà Phạm Thị Ngọc S (là người làm giám đốc thuê) là chữ ký giả mạo; theo kết luận

của Công an tỉnh Bình Phước thì bản thân bà S không tham gia vào việc ký các hóa đơn GTGT. Với kết luận của Cơ quan chức năng thì các hóa đơn GTGT của Công ty TA xuất bán cho Công ty A V là hóa đơn bất hợp pháp và được sử dụng để hợp thức hóa các lô hàng giấy mua vào của Công ty A V.

Tại khoản 1, Mục 3, Phần C Thông tư 120/2002/TT/BTC ngày 30/12/2002 của Bộ Tài chính hướng dân thi hành Nghị định 89/2002/NĐ-CP ngày 07/11/2002 của Chính phủ về việc in, phát hành, sử dụng, quản lý hóa đơn có quy định "*Đối với tổ chức, cá nhân đã mua hóa đơn nhưng sử dụng bất hợp pháp (bỏ trốn) thì hóa đơn đó không được chấp nhận kê khai để tính khấu trừ thuế GTGT hoặc hoàn thuế GTGT và không được tính vào chi phí hợp lý".*

Căn cứ xử lý đối với các hóa đơn GTGT bất hợp pháp:

Điều 11 Luật thuế GTGT;

Căn cứ khoản 3 Điều 19 Luật thuế GTGT;

Căn cứ điểm 3 mục I phần E Thông tư số 120/2003/TT-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 158/2003/NĐ-CP ngày 10/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế GTGT và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng;

Căn cứ Điều 11 Nghị định số 100/NĐ-CP ngày 25/2/1004 của Chính Phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế;

Căn cứ tiết a, điểm 1.1 Mục III công văn số 4215/TCT-PCCS ngày 18/11/2005 của Tổng cục thuế V/v xử lý vi phạm đối với các hành vi mua, bán, sử dụng hóa đơn bất hợp pháp.

Chi cục thuế quận PN đã ra Quyết định xử lý số 457/QĐXP-CCT.PN-Đ3 ngày 25/04/2007 truy thu thuế GTGT: 709.592.931 đồng.

Bên cạnh đó, tại điểm 1 và tiết a, điểm 1.1 Mục III công văn số 4215/TCT-PCCS ngày 18/11/2005 của Tổng cục Thuế V/v xử lý vi phạm đối với các hành vi mua, bán, sử dụng hóa đơn bất hợp pháp, đã hướng dẫn:

"1. Trường hợp cơ sở kinh doanh mua, sử dụng hóa đơn bất hợp pháp với mục đích chiếm đoạt tiền thuế giá trị gia tăng, trốn thu nhập doanh nghiệp thì bị xử lý như sau:

1.1. Hóa đơn mua, sử dụng bất hợp pháp không được sử dụng để kê khai khấu trừ hoặc hoàn thuế giá trị gia tăng, không được tính vào chi phí hợp lý khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Cơ quan thuế khi phát hiện cơ sở kinh doanh có

các hành vi vi phạm nêu trên phải lập biên bản vi phạm và tùy theo hành vi vi phạm, mức độ vi phạm để áp dụng ngay các biện pháp xử lý dưới đây:

a/ Có biện pháp truy thu ngay số thuế giá trị gia tăng đã khấu trừ hoặc được hoàn; truy thu số thuế thu nhập doanh nghiệp".

Tại tiết c điểm 1.2 và tiết b điểm 3 Phần II công văn 4215/TCT-PCCS ngày 18/11/2007 của Tổng cục thuế V/v xử lý vi phạm đối với các hành vi mua, bán, sử dụng hóa đơn bất hợp pháp đã hướng dẫn: "*Hóa đơn mua hàng hóa, dịch vụ mà thời điểm mua hàng hóa, dịch vụ phát sinh tuy chưa có thông báo của cơ quan thuế về việc cơ sở kinh doanh bỏ trốn, nhưng cơ quan thuế, cơ quan công an và các cơ quan chức năng khác đã có kết luận đó là các hóa đơn bất hợp pháp",* thì có biện pháp truy thu ngay số thuế GTGT đã khấu trừ hoặc được hoàn và "*có văn bản gửi cơ quan công an, viện kiểm sát cùng cấp kiến nghị điều tra khởi tố và truy cứu trách nhiệm hình sự theo điểm 1 Thông tư liên tịch số 21/2004/TTLT/BCA-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 23/11/2004 của Bộ Công an, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp."*

Với các căn cứ pháp luật về thuế được viện dẫn trên, việc Chi cục trưởng Chi cục thuế quận PN ra quyết định xử lý đối với Công ty A V là có cơ sở, đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Thương mại A V.

Người bị kiện Cục trưởng Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh trình bày:

Đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của Công ty A V về việc hủy Quyết định số 10620/QĐ-GQKN-N3 ngày 10/10/2017 của Cục trưởng Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh.

Thống nhất việc xử lý thuế theo các quyết định của Chi cục trưởng Cục thuế quận PN.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 142/2017/HC-ST ngày 16/02/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Áp dụng các Điều 32, 60, 74, 116, khoản 1 Điều 157, Điều 158, Điều 206 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Luật Xử lý vi phạm hành chính; Luật Kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/6/2003 của Quốc Hội; Nghị định 89/2002/NĐ-CP ngày 07/11/2002 của Chính Phủ; Thông tư 120/2002/TT-BTC ngày 30/12/2002 của Bộ Tài chính; Nghị định 70 về án phí, lệ phí Tòa án; Pháp Lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Thương mại A V về việc yêu cầu hủy các quyết định:

- Quyết định số 457/QĐXP-CCT-PN-Đ3 ngày 25/4/2007 của Chi cục trưởng Chi cục thuế quận PN.

- Quyết định số 75/QĐ-GQKN ngày 25/5/2007 của Chi cục trưởng Chi cục thuế quận PN.

- Quyết định số 10620/QĐ-GQKN-N3 ngày 10/10/2017 của Cục trưởng Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện hủy các quyết định cưỡng chế số 442/QĐ-CCT-PN ngày 29/8/2011 và Quyết định số 497/QĐ-CCt-PN ngày 14/10/2011 của Chi cục thuế quận PN.

- Hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 11/2011/QĐ-BPKCTT ngày 04/11/2011 của Tòa án nhân dân quận PN.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 24/2/2017, người khởi kiện Công ty A V kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm tuyên chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Thương mại A V: Hủy các Quyết định số 457/QĐXP-CCT-PN-Đ3 ngày 25/4/2007 của Chi cục trưởng Chi cục thuế quận PN; Quyết định số 75/QĐ-GQKN ngày 25/5/2007 của Chi cục trưởng Chi cục thuế quận PN và Quyết định số 10620/QĐ-GQKN-N3 ngày 10/10/2017 của Cục trưởng Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Chi cục trưởng Chi cục thuế quận PN tranh luận: Theo quy định pháp luật thì các doanh nghiệp được sử dụng hóa đơn hợp pháp để xem xét khấu trừ thuế giá trị gia tăng. Tuy nhiên trong trường hợp này, Công ty A V đã sử dụng hóa đơn khống, hóa đơn không hợp pháp để được khấu trừ thuế giá trị gia tăng nên bị truy thu thuế GTGT là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của Công ty A V, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa cùng các thành viên Hội đồng xét xử đã tiến hành các thủ

tục giải quyết vụ án và các đương sự tham gia tố tụng vụ án chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ, theo quy định của Luật tố tụng Hành chính.

Về kháng cáo của Công ty TNHH Thương mại A V:

Công ty A V đã sử dụng 03 tờ hóa đơn GTGT có nguồn gốc do Công ty TA xuất để kê khai khấu trừ thuế GTGT. Theo Kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước thì cả 03 hóa đơn này đều giả chữ ký giám đốc, hóa đơn không, không hợp lệ, nên không được xem xét để tính thuế, trong đó có thuế GTGT. Tòa án cấp sơ thẩm đã bác đơn khởi kiện của Công ty A V là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của Công ty A V, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Đơn kháng cáo của Công ty TNHH Thương mại A V nộp trong thời hạn và đúng thủ tục theo quy định của pháp luật nên hợp lệ; được xem xét theo thủ tục phúc thẩm:

- *Về tố tụng:*

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng đối tượng, thời hiệu khởi kiện vụ án hành chính, thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền và thủ tục theo quy định của Luật tố tụng Hành chính.

- *Về nội dung:*

[2] Công ty A V đã sử dụng 03 tờ hóa đơn để kê khai khấu trừ thuế GTGT, cụ thể: Hóa đơn số 95514 ngày 03/8/2005, số tiền 5.689.812.800, thuế GTGT là 284.490.640 đồng; hóa đơn số 95536 ngày 17/8/2005, số tiền 5.722.024.000, thuế GTGT là 286.101.200 đồng; hóa đơn số 95546 ngày 25/8/2015, số tiền 2.780.081.833, thuế GTGT là 139.001.091 đồng. Cả 03 hóa đơn này đều có chữ ký và ghi tên Phạm Thị Ngọc S với tư cách là giám đốc Công ty TNHH TM-DV TA.

[2.1] Tuy nhiên, tại Bản kết luận điều tra số 05 ngày 04/10/2007 của Cơ quan An ninh điều tra – Công an tỉnh Bình Phước đã kết luận tất cả các hóa đơn giá trị gia tăng do của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ TA, mã số thuế 3800293382, địa chỉ đăng ký kinh doanh: Ấp HC, thị trấn AL, BL, Bình Phước đã xuất bán cho các cá nhân, doanh nghiệp các địa phương trong cả nước đều là hóa đơn giá trị gia tăng khống, là hóa đơn không hợp lệ.

[2.2] Ngày 11/10/2015 Cục thuế tỉnh Bình Phước có Công văn số 1237/CT-TTr thông tin về việc Công ty TNHH TM-DV TA có hành vi mua, bán hóa đơn và bỏ trốn khỏi địa chỉ kinh doanh nên đề nghị các Cục thuế tỉnh, thành phố không

cho khấu trừ thuế, không cho tính vào chi phí các hóa đơn do công ty TNHH TM-DV TA xuất bán.

[2.3] Mặt khác, theo Kết luận giám định số 232/KLGĐ (PC 21) ngày 05/9/2007 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước thì chữ ký mang tên "Phạm Thị Ngọc S" trên các hóa đơn nêu trên không phải chữ ký thật của bà Phạm Thị Ngọc S.

[2.4] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Dương Hiển T - Giám đốc Công ty A V cũng xác nhận Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an quận PN có triệu tập ông lấy lời khai về nguồn gốc 03 hóa đơn giá trị gia nêu trên. Qua làm việc ông Tiễn đã khai nhận có một người tên Nguyễn Thị D (không rõ địa chỉ tự giới thiệu là nhân viên của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ TA đến Công ty A V đặt vấn đề bán hàng giấy in báo. Sau khi cung cấp hàng bà D đã giao cho Công ty A V 03 hóa đơn gí trị gia tăng của Công ty TA trên đó đã có chữ ký của giám đốc Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ TA là bà Phạm Thị Ngọc S. Trong quá trình giao dịch, bà D không có xuất trình bất cứ giấy tờ gì chứng minh bà D là nhân viên của Công ty TA. Bà D không trực tiếp giao hàng mà do tài xế giao hàng đến kho của Báo Tuổi trẻ. Ông T không hề biết bà D và bà S là ai mà chỉ biết họ có nguồn hàng và sau khi thanh lý hợp đồng thì nhận được 03 hóa đơn này do bà D đưa.

[2.5] Như vậy, các hóa đơn GTGT mà Công ty A V đã sử dụng để kê khai khấu trừ thuế GTGT đối với 03 lô hàng giấy của Công ty TA xuất bán cho Công ty A V là hóa đơn bất hợp pháp.

[3] Tại tiết a của điểm 1.1 Mục III Công văn số 4215/TCT-PCCS ngày 18/11/2005 của Tổng cục Thuế V/v xử lý vi phạm đối với các hành vi mua, bán, sử dụng hóa đơn bất hợp pháp, đã hướng dẫn :

"1. Trường hợp cơ sở kinh doanh mua, sử dụng hóa đơn bất hợp pháp với mục đích chiếm đoạt tiền thuế giá trị gia tăng, trốn thu nhập doanh nghiệp thì bị xử lý như sau:

1.1. Hóa đơn mua, sử dụng bất hợp pháp không được sử dụng để kê khai khấu trừ hoặc hoàn thuế giá trị gia tăng, không được tính vào chi phí hợp lý khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Cơ quan thuế khi phát hiện cơ sở kinh doanh có các hành vi vi phạm nêu trên phải lập biên bản vi phạm và tùy theo hành vi vi phạm, mức độ vi phạm để áp dụng ngay các biện pháp xử lý dưới đây:

a/ Có biện pháp truy thu ngay số thuế giá trị gia tăng đã khấu trừ hoặc được hoàn; truy thu số thuế thu nhập doanh nghiệp".

[3.1] Đồng thời, tại điểm 1.2 Mục III Công văn 4215/TCT-PCCS ngày 18/11/2005 của Tổng cục thuế về việc xử lý vi phạm đối với các hành vi mua, bán sử dụng hóa đơn bất hợp pháp cũng đã hướng dẫn: Các biện pháp xử lý tại điểm 1.1 nêu trên (*Có biện pháp truy thu ngay số thuế giá trị gia tăng đã khấu trừ hoặc được hoàn; truy thu số thuế thu nhập doanh nghiệp)* được áp dụng cả các sơ sở kinh doanh mua, sử dụng hóa đơn trong các trường hợp:

c/ *Hóa đơn mua hàng hóa, dịch vụ mà thời điểm mua hàng hóa, dịch vụ phát sinh tuy chưa có thông báo của cơ quan thuế về việc cơ sở kinh doanh bỏ trốn, nhưng cơ quan thuế, cơ quan công an và các cơ quan chức năng khác đã có kết luận đó là các hóa đơn bất hợp pháp.*

[4] Từ những nhận định trên xét thấy Chi cục trưởng chi cục thuế quận PN đã ban hành Quyết định số 457/QĐXP-CCT-PN-Đ3 ngày 25/4/2007 về việc xử lý vi phạm về thuế: Loại trừ thuế GTGT đối với Công ty A V với tổng số tiền thuế truy thu 709.592.931 đồng là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[5] Đối với các quyết định giải quyết khiếu nại:

Do Quyết định số 457/QĐXP-CCT-PN-Đ3 ngày 25/4/2007 của Chi cục trưởng Chi cục thuế quận PN được ban hành là hợp pháp và có căn cứ. Nên việc Chi cục trưởng Chi cục thuế quận PN ban hành Quyết định 75/QĐ-GQKN ngày 25/5/2007 giải quyết khiếu nại có nội dung giữ nguyên Quyết định số 457/QĐXP-CCT-PN-Đ3 ngày 25/4/2007 và Cục trưởng Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 10620/QĐ-GQKN-N3 ngày 10/10/2007 giải quyết khiếu nại có nội dung giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại số 75/QĐ-GQKN ngày 25/5/2007 và Quyết định số 457/QĐXP-CCT-PN-Đ3 ngày 25/4/2007 Chi cục trưởng Chi cục thuế quận PN là đúng thẩm quyền, có căn cứ theo đúng quy định pháp luật.

[6] Từ những phân tích và nhận định trên đây xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định bác yêu cầu khởi kiện của Công ty A V về việc yêu cầu hủy các quyết định nêu trên là có cơ sở. Công ty A V kháng cáo những không đưa ra tài liệu, chứng cứ mới nên không có cơ sở để chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, bác kháng cáo của người khởi kiện Công ty A V, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[7] Những ý kiến, quan điểm đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện Chi cục trưởng Chi cục thuế quận PN tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với phân tích và nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên được chấp nhận.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Do kháng cáo không được chấp nhận nên Công ty A V phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng Hành chính năm 2015;

- Bác kháng cáo của Công ty TNHH Thương mại A V; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm số: 142/2017/HC-ST ngày 16 tháng 02 năm 2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Áp dụng các Điều 32, 60, 74, 116, khoản 1 Điều 157, Điều 158, Điều 206 Luật tố tụng Hành chính năm 2015;

Luật xử lý vi phạm hành chính; Luật Kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 của Quốc Hội; Nghị định 89/2002/NĐ-CP ngày 07/11/2002 của Chính phủ; Thông tư 120/2002/TT-BTC ngày 30/12/2002 của Bộ Tài chính;

Nghị định 70 về án phí, lệ phí Tòa án; Pháp Lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Thương mại A V về việc yêu cầu hủy các quyết định:

+ Quyết định số 457/QĐXP-CCT-PN-Đ3 ngày 25/4/2007 của Chi cục trưởng Chi cục thuế quận PN.

+ Quyết định số 75/QĐ-GQKN ngày 25/5/2007 của Chi cục trưởng Chi cục thuế quận PN.

+ Quyết định số 10620/QĐ-GQKN-N3 ngày 10/10/2017 của Cục trưởng Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện hủy các Quyết định cưỡng chế số 442/QĐ-CCT-PN ngày 29/8/2011 và Quyết định số 497/QĐ-CCT-PN ngày 14/10/2011 của Chi cục thuế quận PN.

+ Hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 11/2011/QĐ-BPKCTT ngày 04/11/2011 của Tòa án nhân dân quận PN.

3. Về án phí hành chính sơ thẩm: Công ty TNHH Thương mại A V phải chịu 50.000 đồng (năm mươi nghìn đồng); nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 002040 ngày 04/12/2007 của Thi hành án dân sự quận PN.

Hoàn lại cho Công ty TNHH Thương mại A V số tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm 200.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 00823 ngày 17/10/2011 Chi cục Thi hành án dân sự quận PN.

- Án phí hành chính phúc thẩm: Công ty TNHH Thương mại A V phải chịu 300.000 đồng; nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: AA/2016/0033937 ngày 03/4/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh; Công ty TNHH Thương mại A V đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 18 tháng 7 năm 2018.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự (3);
- Lưu: VP (3), HS (2), 14b. (ÁN 09)

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Đình Thanh